

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021



## QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin chung về Quỹ	1
Công bố trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với báo cáo tài chính giữa niên độ	2
Phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	17
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	18
Báo cáo thu nhập giữa niên độ (Mẫu số B 01g – QM)	20
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 02g – QM)	22
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ (Mẫu số B 03g – QM)	24
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ (Mẫu số B 04g – QM)	25
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 05g – QM)	27
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 06g – QM)	29

## **QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN**

### **THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ**

**Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng**

56/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 16 tháng 10 năm 2018

**Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng**

34/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 3 tháng 1 năm 2019

**Ban Đại diện Quỹ**

Ông Đỗ Hùng Việt	Chủ tịch
Ông Huỳnh Văn Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Gia Huy Chương	Thành viên

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 11, 149 – 151 Nguyễn Văn Trỗi,  
Phường 11, Quận Phú Nhuận,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## **QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN**

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Điều hành của Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“Quỹ”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở Quỹ hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

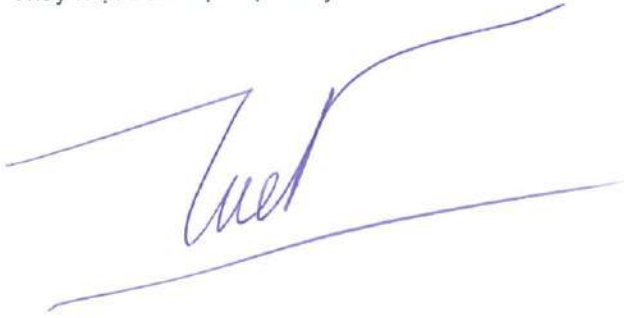
Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Quỹ với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc quản lý các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

## QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 20 đến trang 57. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các văn bản pháp luật liên quan bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



---

Ông Đỗ Hùng Việt  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 12 tháng 8 năm 2021



## QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

#### 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN (“QUỸ”)

##### 1.1 Mục tiêu của Quỹ

Quỹ đặt mục tiêu tăng trưởng vốn và tài sản của nhà đầu tư, phấn đấu cao hơn mức tăng trưởng của Thị trường Chứng khoán Việt Nam (VN-Index) trong dài hạn, bằng việc đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

##### 1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Quỹ đã được soát xét, tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ là 38,22% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

##### 1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

*Chiến lược đầu tư:*

Quỹ sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết có mức vốn hóa lớn trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Việc lựa chọn ngành nghề và công ty được thực hiện trên cơ sở đánh giá giá trị, phân tích cơ bản và đánh giá các yếu tố thị trường. Điều kiện lựa chọn công ty như sau:

- Là công ty trong nhóm dẫn đầu ngành nghề kinh doanh;
- Có tình trạng tài chính lành mạnh;
- Có dòng tiền ổn định, chất lượng tài sản tốt; và
- Có hệ thống quản trị doanh nghiệp tin cậy.

Lĩnh vực đầu tư chính của Quỹ là tập trung vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, cổ phiếu sắp niêm yết và các cổ phiếu doanh nghiệp cổ phần hóa.

*Tài sản được phép đầu tư:*

- Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (1) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản tại điểm này phải đáp ứng các điều kiện sau:
  - Có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; có quy định tại Bản Cáo bạch; và
  - Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
- Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ; và
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

## QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN (“QUỸ”) (tiếp theo)

##### 1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ (tiếp theo)

*Cơ cấu đầu tư:*

Tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư của Quỹ như sau:

Tài sản đầu tư	Tỷ trọng (%NAV của Quỹ)
Cổ phiếu	50% – 100%
Tiền gửi ngắn hạn (*)	0 – 49%
Tiền trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát	Là phần còn lại sau khi đầu tư vào hai (2) loại tài sản nêu trên.

(\*) Kỳ hạn tối đa là ba (3) tháng. Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi tại các ngân hàng có định mức tín nhiệm thích hợp, trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

##### 1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ là quỹ đại chúng dạng mở.

##### 1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

##### 1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình.

Đồng thời, với phương pháp lựa chọn đầu tư năng động như trình bày sau đây, mức độ rủi ro ngắn hạn của Quỹ cũng tương ứng linh động theo từng thời điểm đầu tư.

Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động để tìm kiếm, xác định và lựa chọn các cơ hội đầu tư. Căn cứ vào các nghiên cứu, phân tích cơ bản nền kinh tế vĩ mô, phân tích công ty, các yếu tố thị trường, Quỹ sẽ xây dựng mô hình phân bổ tài sản phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ và phù hợp với điều kiện thị trường ở mỗi giai đoạn khác nhau. Đối với từng khoản đầu tư, Quỹ sẽ tập trung tìm kiếm và khai thác các khoản đầu tư có giá trị thị trường hấp dẫn so với giá trị cơ bản, các khoản đầu tư có xu hướng tăng trưởng dài hạn. Đồng thời Quỹ cũng xác định những rủi ro đối với danh mục đầu tư và có biện pháp kiểm soát đối với những rủi ro này. Nhờ đó, danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các tài sản đầu tư có chất lượng cao và có thể gia tăng được giá trị thông qua chiến lược quản lý đầu tư chủ động của Quỹ.

##### 1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 3 tháng 1 năm 2019.

##### 1.8 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 8.754.989,87 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 87.549.898.700 VND

##### 1.9 Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.



## QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFTN

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

#### 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFTN (“QUỸ”) (tiếp theo)

##### 1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Như đã được đề cập trong Bản cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn; do đó Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được chấp thuận bởi Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại điều lệ quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng; và
- Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng Chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị chứng chỉ quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị chứng chỉ quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện quỹ). Chỉ những nhà đầu tư có tên trên danh sách nhà đầu tư sở hữu đơn vị chứng chỉ quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.

##### 1.11 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ ở thời điểm báo cáo

Quỹ chưa tiến hành phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

#### 2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

##### 2.1. Cơ cấu tài sản của Quỹ

	Tại ngày		
	30.6.2021	30.6.2020	30.6.2019
	%	%	%
1. Danh mục chứng khoán	94,16	84,80	91,98
2. Tiền và tương đương tiền	5,18	8,71	7,04
3. Tài sản khác	0,66	6,49	0,98
	<u>100,00</u>	<u>100,00</u>	<u>100,00</u>



## QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFTN

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

##### 2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Tại ngày		
	30.6.2021	30.6.2020	30.6.2019
1. NAV của Quỹ (VND)	141.816.547.549	72.524.507.896	79.018.509.529
2. Tổng CCQ đang lưu hành (số lượng)	8.754.989,87	7.974.395,39	7.686.473,96
3. NAV của một đơn vị CCQ (VND)	16.198,36	9.094,67	10.280,20
4. NAV cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	16.226,96	10.692,26	10.935,86
5. NAV thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	11.909,83	7.497,48	9.991,19
6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ (%)	28,28%	(12,87%)	2,80%
9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	8,74%	(8,87%)	1,34%
9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tinh trên thu nhập đã thực hiện)	13,17%	(7,23%)	0,12%
10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
12. Ngày chốt quyền	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	3,07%	3,63%	3,37%
14. Tốc độ vòng quay danh mục (%) (*)	223,72%	213,72%	206,94%

(\*) Chỉ tiêu này không tính đến giá trị cam kết của các hợp đồng tương lai chỉ số.

##### 2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	78,11	78,11
3 năm	Không áp dụng	Không áp dụng
Từ khi thành lập	61,98	21,34

##### 2.4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	30.6.2021	30.6.2020	30.6.2019
Tỷ lệ tăng trưởng/1 đơn vị CCQ (%)	78,11	(11,53)	Không áp dụng

## QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFTV

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 3 MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ BÁO CÁO

Nền kinh tế - xã hội trong sáu tháng đầu năm 2021 của nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới bắt đầu hồi phục sau những nỗ lực nghiên cứu và triển khai tiêm chủng vaccine Covid-19 ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Quỹ tiền tệ quốc tế ("IMF"), Ngân hàng thế giới ("WB") và các tổ chức quốc tế khác đã đưa ra dự báo khả quan về triển vọng phục hồi hậu Covid-19 của kinh tế toàn cầu trong năm 2021. Các nền kinh tế lớn trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu ("EU") đều đặt mức tăng trưởng cao trong quý 1 sau khi giảm mạnh trong năm 2020. Ngoài ra các quốc gia trên thế giới trong sáu tháng đầu năm 2021 đã triển khai tiêm chủng nhằm đưa nền kinh tế của mình trở lại hoạt động bình thường trong thời gian sớm nhất. Tuy nhiên các khó khăn vẫn còn hiện hữu, thương mại toàn cầu bị tác động tiêu cực do đứt gãy chuỗi cung ứng, góp phần đẩy giá cả hàng hóa thế giới tăng mạnh trong những tháng đầu năm 2021, đặc biệt là nhóm hàng hóa cơ bản như dầu, sắt thép, than đá... Mặt bằng lãi suất các quốc gia trên thế giới có xu hướng tăng trở lại gây áp lực lên lạm phát. Các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á tiếp tục bị ảnh hưởng bởi làn sóng dịch Covid-19 do các biến chủng mới của virus Covid 19, những làn sóng dịch bệnh mới tiếp tục tái bùng phát ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế toàn cầu.

Đối với tình hình trong nước, quý 2 năm 2021 đối mặt với làn sóng thứ tư của dịch Covid 19 với các biến chủng có khả năng lây lan nhanh từ Anh, Ấn Độ. Đợt dịch Covid-19 bùng phát nhanh và trên diện rộng ở nhiều tỉnh thành trong cả nước bắt đầu từ tháng 5, đặc biệt nghiêm trọng ở Thành phố Hồ Chí Minh, Bắc Giang... Điều này đã đặt ra không ít thách thức trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội. Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ, linh hoạt, hiệu quả "mục tiêu kép" vừa phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, nỗ lực phấn đấu cao nhất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021. Chiến dịch tiêm chủng Covid 19 được triển khai trên quy mô toàn quốc từ cuối quý 2 năm 2021 với mục tiêu nhanh chóng đẩy lùi dịch bệnh trên quy mô toàn quốc.

Mặc dù nhiều khó khăn trong quý 2 tuy nhiên tổng sản phẩm nội địa ("GDP") quý 2 năm 2021 vẫn tăng trưởng 6,61% so với cùng kỳ năm 2020, lũy kế sáu tháng đầu năm GDP tăng trưởng 5,64%, cao hơn tốc độ tăng 1,82% của sáu tháng đầu năm 2020 nhưng thấp hơn tốc độ tăng 7,05% và 6,77% của cùng kỳ năm 2018 và 2019. Mặc dù mức tăng trưởng này chưa thực sự như mong đợi của thị trường, tuy nhiên trong bối cảnh dịch bệnh liên tục trong quý 1 và quý 2 thì mức tăng này đáng được ghi nhận tích cực. Nửa đầu năm 2021 ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ của hoạt động xuất, nhập khẩu. Tính chung sáu tháng đầu năm nay, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 316,73 tỷ Đô la Mỹ ("USD"), tăng 32,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 157,63 tỷ USD, tăng 28,4%; nhập khẩu đạt 159,1 tỷ USD, tăng 36,1%. Cán cân thương mại sáu tháng đầu năm 2021 ước tính nhập siêu 1,47 tỷ USD. Chỉ số nhà quản trị mua hàng ("PMI") tháng 6 năm 2021 bất ngờ ghi nhận ở mức 44,1, đây là mức PMI thấp nhất từ mức thấp kỷ lục 32,7 trong tháng 4 năm 2020. Đây là hậu quả từ làn sóng dịch Covid 19 lần thứ tư, dẫn đến tình trạng phong tỏa các khu công nghiệp tại Bắc Giang, Quảng Ninh và cách ly xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ("FDI") lũy kế trong sáu tháng đầu năm đã phần nào được hồi phục cả về vốn giải ngân và vốn đăng ký với mức tăng lần lượt là 6,8% và (2,6)% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức giải ngân gần 9,2 tỷ USD và đăng ký mới là hơn 15,2 tỷ USD. Trong khi đó, kiểm soát lạm phát là điểm sáng trong bức tranh vĩ mô của Việt Nam, Chính phủ đã thành công trong việc kiểm soát chỉ số tiêu dùng ("CPI") bình quân dưới mức mục tiêu 4%, mặc dù giá xăng dầu cũng như giá cả hàng hóa thế giới đều tăng mạnh tuy nhiên CPI tháng 6 năm 2021 tăng 1,62% so với tháng 12 năm 2020 và tăng 2,41% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016.



### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 3 MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ BÁO CÁO (tiếp theo)

Riêng đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, tiếp đà tăng trưởng tích cực của năm 2020, thị trường chứng khoán tiếp tục tăng mạnh và vượt qua mức điểm kỷ lục 1200 của VN-Index trong những ngày đầu tháng 4. Mặc dù các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng trong sáu tháng đầu năm tuy nhiên dòng tiền khối nội là động lực chính cho thị trường tăng trưởng. Chỉ số VN-Index đóng cửa ngày 30 tháng 6 năm 2021 đạt 1.408,5 điểm tăng 27,6% so với cuối năm 2020, mức vốn hóa thị trường đạt hơn 6,8 triệu tỷ đồng, tăng gần 29,2% so với cuối năm 2020; giá trị giao dịch bình quân hơn 1 tỷ USD/phiên nhờ dòng tiền của nhà đầu tư trong nước dẫn dắt. Số lượng tài khoản nhà đầu tư trong nước mở mới đạt mức cao kỷ lục. Chỉ trong sáu tháng đầu năm 2021, tổng số lượng tài khoản nhà đầu tư trong nước mở mới đã tăng 58% so với cả năm 2020.

Trước đó, Chính phủ đã phê duyệt đề án "Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025" theo Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 28 tháng 2 năm 2019. Theo đó, Chính phủ đặt mục tiêu quy mô thị trường cổ phiếu đạt mức 100% GDP vào năm 2020 và 120% vào năm 2025, quy mô thị trường trái phiếu đạt mức 47% GDP vào năm 2020 và 55% GDP vào năm 2025. Đa dạng hóa các sản phẩm trên thị trường chứng khoán, đổi mới toàn diện và đồng bộ công nghệ giao dịch và thanh toán bù trừ trên thị trường chứng khoán. Trước năm 2025, nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam trên danh sách các thị trường mới nổi, và gần nhất trong dịp kỷ niệm 20 năm thị trường chứng khoán Việt Nam, Chủ tịch UBCKNN đã phát đi tín hiệu lạc quan về khả năng thị trường chứng khoán Việt Nam được nâng hạng trước năm 2023 là tương đối chắc chắn. Bên cạnh đó, thị trường vẫn tiếp tục chờ đón những sự kiện mang tính xúc tác giúp thị trường tăng trưởng bền vững hơn, như việc thành lập các quỹ chỉ số tài chính (VNFIN LEAD đã giao dịch từ giữa tháng 3 năm nay, VNFIN SELECT), quỹ chỉ số các cổ phiếu hết room (VN Diamond giao dịch từ giữa tháng 5 năm 2020), quỹ hưu trí (pension fund). Một sự kiện mang tính cơ cấu phát triển lâu dài cho thị trường chứng khoán là luật chứng khoán mới hiệu lực từ đầu năm 2021.

Như vậy, sau khi triển khai tiêm chủng quy mô toàn quốc, vấn đề dịch bệnh Covid-19 của Việt Nam hoàn toàn có thể kiểm soát trong khoảng cuối năm 2021 đến đầu năm 2022. Đồng thời hệ thống giao dịch mới của HOSE triển khai từ tháng 7 năm 2021 đã khắc phục được sự cố quá tải trong giao dịch, thanh khoản thị trường có thể đạt được những cột mốc mới. Bên cạnh các yếu tố rủi ro từ giá cả hàng hóa, lạm phát cần tiếp tục được theo dõi và kiểm soát thì điểm tựa ổn định vĩ mô và nội lực nền kinh tế, cùng với nền tảng phát triển lâu dài của thị trường chứng khoán sẽ duy trì động lực và triển vọng tốt cho hoạt động của Quỹ về dài hạn.

## QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 4 CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

##### 4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	26,32	Không áp dụng	16,81
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	40,14	Không áp dụng	31,28
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	78,11	Không áp dụng	61,98
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị CCQ (%)	78,11	Không áp dụng	21,34
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (*)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (**)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

(\*) Quỹ không có danh mục cơ cấu.

(\*\*) Quỹ không có giá trị thị trường.



Thay đổi NAV:

Chỉ tiêu	30.6.2021 VND	30.6.2020 VND	Tỷ lệ thay đổi %
NAV của Quỹ	141.816.547.549	72.524.507.896	95,54
NAV trên 1 CCQ ("NAV/CCQ")	16.198,36	9.094,67	78,11



## QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 4 CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

##### 4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Trong giai đoạn này, do giá thị trường của các khoản đầu tư của Quỹ tăng nên NAV/CCQ và tổng NAV của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 tăng tương ứng 78,11% và 95,54% so với thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020

##### 4.2. Thống kê về nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

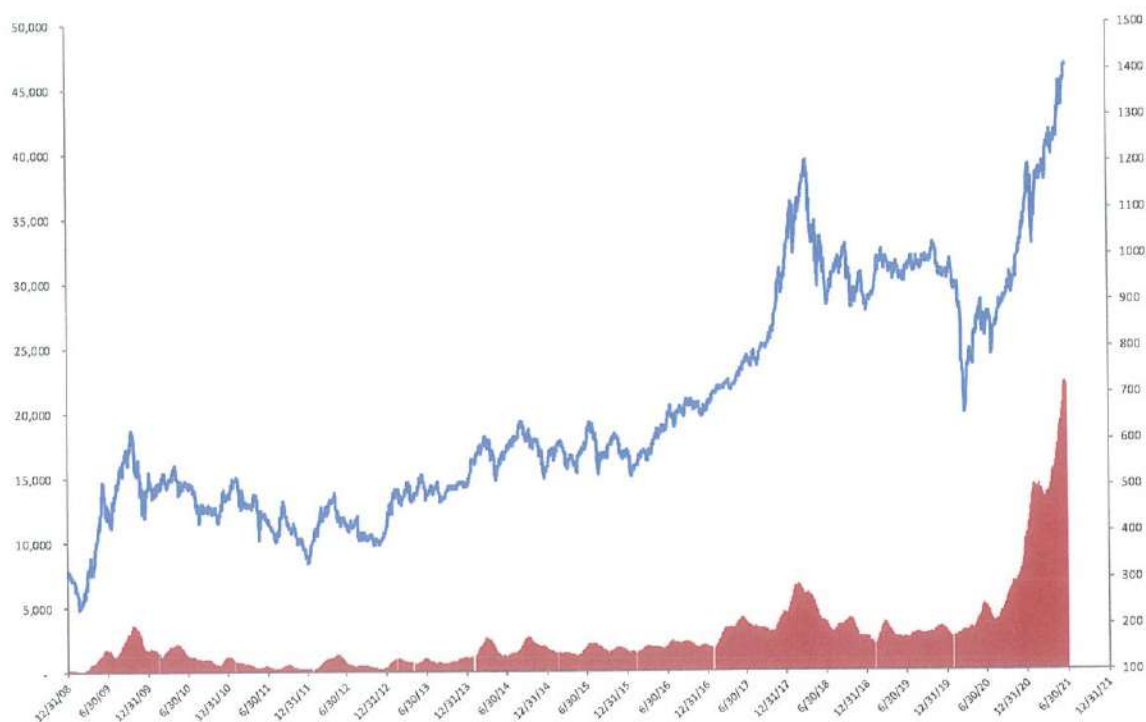
Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị CCQ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	708	626.486,53	7,16
Từ 5.000 – dưới 10.000	44	306.755,64	3,50
Từ 10.000 – dưới 50.000	26	472.367,74	5,40
Từ 50.000 – dưới 500.000	3	349.379,96	3,99
Từ 500.000	1	7.000.00,00	79,95
<b>Tổng cộng</b>	<b>782</b>	<b>8.754.989,87</b>	<b>100,00</b>

##### 4.3 Chi phí ngầm và giảm giá

Quỹ không có chi phí ngầm. Tất cả các chi phí của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch.

#### 5 THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Biểu đồ bên dưới thể hiện diễn biến chỉ số VN-Index (dây màu xanh, chiều qua trục bên phải) và giá trị giao dịch (cột màu đỏ, chiều qua trục bên trái, đơn vị: tỷ đồng/ ngày)



## QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFMN

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 5 THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Dữ liệu thị trường chứng khoán cho thấy trong 6 tháng đầu năm 2021 thị trường chứng khoán đã tiếp đà tăng trưởng của năm 2020 khi chỉ số VN-index tăng mạnh 27,6% so với cuối năm 2020, đóng cửa VN-Index ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại mức trên 1.408 điểm và là thị trường tăng mạnh thứ 2 trên thế giới. Thanh khoản của thị trường chứng khoán đã tăng trưởng vượt bậc, đứng thứ hai trong khu vực Đông Nam Á chỉ sau Thái Lan. Đồng thời điểm tích cực của thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian qua là đã thu hút được dòng vốn đầu tư trong nước, do đó mặc dù nhà đầu tư nước ngoài liên tục bán ròng nhưng thị trường vẫn tăng trưởng ấn tượng. Đối với dòng vốn ngoại, vẫn có những quỹ đầu tư tham gia vào thị trường Việt Nam thông qua các quỹ hoán đổi danh mục ("ETF"), đặc biệt là các nhà đầu tư mới, đến từ Đài Loan. Tuy nhiên trong sáu tháng đầu năm 2021 Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") đã gặp phải sự cố kỹ thuật về giao dịch nên ít nhiều có ảnh hưởng đến thanh khoản của thị trường và tâm lý của nhà đầu tư, tuy nhiên dự kiến hệ thống giao dịch mới sẽ áp dụng từ đầu tháng 7 năm 2021 sẽ khắc phục vấn đề này. Trong thực tế, luôn có những sự kiện xảy ra và ảnh hưởng tiêu cực lên thị trường chứng khoán; tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của các biến cố thường mang tính chất ngắn hạn so với cả quá trình phát triển bền vững lâu dài của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Theo đó, khi dịch Covid-19 bắt đầu qua đi, hệ thống giao dịch HOSE được khắc phục, hoạt động của doanh nghiệp hồi phục và tăng trưởng trở lại, nhiều giải pháp được Chính phủ nhiệm kỳ mới thực thi, niềm tin của nhà đầu tư trở lại thì thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục phục hồi và tăng trưởng trong dài hạn.

Theo đánh giá của nhiều chuyên gia kinh tế và đầu tư cả trong và ngoài nước, Thị trường Chứng khoán Việt Nam vẫn là một kênh đầu tư hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài và trở thành một nguồn cung cấp tài chính thực sự cho nền kinh tế. Một số điểm cốt lõi giúp củng cố xu hướng tăng trưởng trong dài hạn cho Thị trường Chứng khoán Việt Nam như sau:

- Với môi trường kinh tế vĩ mô: Việt Nam được đánh giá phát triển ổn định thể hiện qua các tiêu chí như tăng trưởng GDP, tín dụng, lãi suất, lạm phát, tỷ giá, tình hình thu hút FDI,... như đã phân tích ở trên. Như vậy, nền kinh tế Việt Nam đang tiếp tục bước vào giai đoạn phát triển với một chu kỳ phát triển kinh tế mới.
- Về đánh giá Thị trường Chứng khoán: với định giá hợp lý và mức sinh lời hấp dẫn hơn so với các thị trường trong khu vực (mức giá trên thu nhập cổ phiếu PER hợp lý trong khi mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE, ROA khá cao). Điều này đã được chứng minh một phần qua mức độ tăng trưởng mạnh mẽ của Thị trường Chứng khoán thể hiện qua các chỉ số như giá trị mua ròng mạnh mẽ của nhà đầu tư nước ngoài vào cổ phiếu niêm yết trong những năm từ 2017 đến 2019.

Ngoài ra, các yếu tố mang tính sự kiện, xúc tác tạo động lực tăng trưởng cho Thị trường Chứng khoán như (i) việc nới room cho nhà đầu tư nước ngoài; (ii) thúc đẩy cổ phần hóa và niêm yết doanh nghiệp Nhà nước. Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công từ giai đoạn năm 2021; (iii) triển vọng nâng hạng thị trường Việt Nam (FTSE Russel và MSCI Emerging Market); (iv) tích cực đẩy mạnh tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTAs); (v) Dòng vốn đầu tư FDI dịch chuyển theo cơ cấu sang Việt nam từ các nước lân cận; (vi) thu hút vốn đầu tư vào thị trường chứng khoán thông qua các sản phẩm như quỹ chỉ số, hợp đồng tương lai, quyền chọn và luật chứng khoán mới hiệu lực từ tháng 1 năm 2021. Bên cạnh đó, những rủi ro về tình hình dịch Covid-19 có ảnh hưởng sâu rộng đến tình hình kinh tế trên toàn thế giới, và còn đó những rủi ro tiềm ẩn cần lưu ý bao gồm lạm phát và bong bóng tài sản có dấu hiệu được thổi phồng khắp nơi trên thế giới do các chính sách ới nới lỏng tiền tệ để kích thích kinh tế phục hồi tăng trưởng hậu Covid-19, ần số nợ xấu trong hệ thống ngân hàng sau dịch bệnh, tình hình vỡ nợ trái phiếu của Trung Quốc tăng mạnh trong các tháng đầu năm 2021, bất ổn trong thương mại quốc tế, bùng nổ giá cả hàng hóa thế giới có thể gây ra những biến động khó lường của dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Thị trường Chứng khoán Việt Nam.



## QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFTN

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 5 THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Như vậy, với các yếu tố cơ bản về giá trị kết hợp với các yếu tố định tính như phân tích ở trên cho thấy Thị trường Chứng khoán Việt Nam trong thời gian tới tiếp tục có những kịch bản sáng sủa cùng với kỳ vọng tiếp tục khởi sắc dần của nền kinh tế, tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài trong những năm tiếp theo; và dĩ nhiên bức tranh sáng sủa phải kèm theo những giả định về điều kiện môi trường vĩ mô an toàn, tiếp tục kiểm chế được ảnh hưởng của dịch bệnh và việc triển khai tiêm phòng vắc-xin Covid-19 diễn ra thành công trong thời gian sớm nhất.

#### 6 THÔNG TIN KHÁC

Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ:

<p><b>Ông Trần Châu Danh</b> Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư</p>	<p><b>Trình độ chuyên môn</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Cử nhân Kinh tế Đối ngoại, Đại học Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh;</li><li>• Cử nhân Ngân hàng, Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;</li><li>• Thạc sĩ Kinh tế Phát triển, Chương trình Cao học Kinh tế Phát triển Việt Nam – Hà Lan, Thành phố Hồ Chí Minh;</li><li>• Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst);</li><li>• Văn bằng Chuyên gia Phân tích Kỹ thuật Thị trường Chứng khoán CMT (Chartered Market Technician);</li><li>• Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</li></ul> <p><b>Kinh nghiệm làm việc</b></p> <p>Ông có hai mươi (20) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư. Ông đã tham gia hoạt động vào Thị trường Chứng khoán Việt nam từ khi thị trường mới được thành lập. Trước khi gia nhập Công ty, ông đã làm việc tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam với vai trò là Phó Tổng Giám đốc Đầu tư, phụ trách các hoạt động đầu tư và quản lý tài sản nợ có từ năm 2011. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, ông Danh từng giữ các vị trí chủ chốt tại các công ty quản lý quỹ trong và ngoài nước, đặc biệt ông Danh có hơn bảy (07) năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (trước đó có tên là Prudential).</p>
<p><b>Ông Masafumi Takeshita</b> Phó Giám đốc Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro</p>	<p><b>Trình độ chuyên môn</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Thạc sĩ Kinh tế, Đại học Hitotsubashi, Nhật Bản;</li><li>• CMA level 2, Hiệp hội phân tích chứng khoán Nhật Bản (SAAJ).</li></ul> <p><b>Kinh nghiệm làm việc</b></p> <p>Ông đã có mười (10) năm kinh nghiệm làm việc và nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, đầu tư ở nước ngoài. Trước khi sang Việt Nam làm việc tại Công ty, ông đã có hơn bốn (04) năm kinh nghiệm ở vị trí cấp cao phụ trách hoạt động tín dụng của Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Nhật Bản; một trong những công ty bảo hiểm hàng đầu và uy tín tại Nhật Bản có trụ sở chính tại Tokyo. Trước đó, ông đã có thời gian làm việc tại bộ phận phân tích của Ngân hàng Mizuho – Chi nhánh Singapore.</p>

## QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 6 THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

*Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo):*

<p><b>Ông Đặng Vị Thanh,</b> Thành viên Ban Điều hành giữ chức vụ Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Phát triển Kinh doanh</p>	<p><b><i>Trình độ chuyên môn</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Cử nhân Kinh tế Thương mại, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;</li><li>• Cử nhân Anh ngữ, Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;</li><li>• Chứng chỉ Quốc tế chuyên ngành Bảo hiểm Nhân thọ: Fellowship, Life Management Institute (FLMI);</li><li>• Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</li></ul> <p><b><i>Kinh nghiệm làm việc</i></b></p> <p>Ông đã có hơn mười lăm (15) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, quản lý quỹ; trong đó hơn mười (10) năm được đề bạt vào các chức danh quản lý tại các công ty quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam, ông từng là Trưởng phòng Kinh doanh và Tiếp thị tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam và sau đó đảm nhiệm vị trí Giám đốc Kinh doanh, Khách hàng cá nhân của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (trước đó có tên là VinaWealth). Ông có sự am hiểu sâu sắc về thị trường quỹ mở và tích cực đóng góp cho sự phát triển của thị trường quỹ mở tại Việt Nam.</p>
<p><b>Ông Đoàn Công Đạt,</b> Trưởng Bộ phận Kiểm soát Nội bộ</p>	<p><b><i>Trình độ chuyên môn</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Cử nhân Kế toán kiểm toán, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;</li><li>• Cử nhân Luật, Đại học Kinh tế - Luật Thành phố Hồ Chí Minh;</li><li>• Cử nhân Anh ngữ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh;</li><li>• Chứng chỉ CIA (Certified Internal Auditor) của Hiệp hội Kiểm toán Nội bộ Hoa Kỳ.</li></ul> <p><b><i>Kinh nghiệm làm việc</i></b></p> <p>Ông đã có hơn mười ba (13) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm và đương nhiệm các vị trí quản lý về pháp lý, tuân thủ và kiểm toán nội bộ. Trước khi gia nhập Công ty, ông đã từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng bộ phận tuân thủ tại các công ty lớn như Herballife Việt Nam, Pfizer Việt Nam, Shell Việt Nam, Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam và đã từng giữ vị trí Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Manulife Việt Nam.</p>



## QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 6 THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Người điều hành Quỹ:

<b>Ông Đặng Nguyễn Trường Tài,</b> Phó Giám đốc Đầu tư	<b>Trình độ chuyên môn</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;</li><li>Thạc sỹ Quản trị Chương trình cao học Đại học UQAM (University of Quebec at Montreal, Canada);</li><li>CFO của PACE phối hợp với Học viện Quản trị Tài chính Hoa Kỳ AAFM;</li><li>Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</li></ul> <b>Kinh nghiệm làm việc</b> <p>Ông có hơn mười lăm (15) năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng, trong đó có hơn mười (10) năm giữ chức vụ Phụ trách đầu tư cổ phiếu tại các Công ty: Công ty Quản lý Quỹ Nhân Việt, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam và Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam.</p>
<b>Bà Trần Thị Anh Trâm,</b> Trưởng phòng Cao cấp Nghiệp vụ	<b>Trình độ chuyên môn</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Cử nhân Luật, Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;</li><li>Cử nhân chuyên ngành Kế toán-Kiểm toán, Đại học Văn Lang;</li><li>Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</li></ul> <b>Kinh nghiệm làm việc</b> <p>Trên mười bốn (14) năm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán và đầu tư. Trong đó có hơn mười (10) năm kinh nghiệm quản lý tài sản tại các Công ty: Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam.</p>

Ban đại diện Quỹ:

<b>Ông Đỗ Hùng Việt</b> Chủ tịch	<p>Ông đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm ở nhiều vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, đầu tư.</p> <p>Ông từng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Công ty Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HSC"). Trước đó, ông đã từng giữ cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc HSC và Phó Chủ tịch Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam ("VASB"). Trước khi gia nhập HSC, ông đã có bốn (4) năm làm việc tại Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh ("HIFU") với vị trí Trưởng phòng ủy thác.</p>
-------------------------------------	--

## QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 6 THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Ban đại diện Quỹ (tiếp theo):

<b>Ông Huỳnh Văn Dũng</b> Thành viên	<p>Ông đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán và cung cấp dịch vụ chuyên ngành trong lĩnh vực kiểm toán.</p> <p>Ông hiện đang là Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam ("VAE"). Ông đã có thời gian đảm nhiệm cương vị Giám đốc của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn An Việt; và đã từng là Chủ nhiệm Kiểm toán cao cấp của VACO – Deloitte JV.</p> <p>Ông có Chứng chỉ Kiểm toán viên quốc gia ("CPA"), là thành viên Hội Kiểm toán Hành nghề Việt Nam ("VACPA"), thành viên Hội Kế toán Kiểm toán Việt Nam ("VAA") và thành viên Hội tư vấn Thuế Việt Nam ("VTCA").</p>
<b>Ông Nguyễn Gia Huy Chương</b> Thành viên	<p>Ông đã có hai mươi (20) năm kinh nghiệm về tư vấn doanh nghiệp, tư vấn thuế và bất động sản. Công việc của ông chủ yếu trong các lĩnh vực: tư vấn về doanh nghiệp, mua bán và sáp nhập và mở rộng danh mục khách hàng đến cả các lĩnh vực chuyên môn nhất: bất động sản, nghỉ dưỡng, xây dựng, tài chính công nghệ, y tế, ẩm thực và đồ uống ("F&amp;B"), quản lý cảng, vận tải và viễn thông.</p> <p>Hiện tại, ông đang đóng vai trò là Luật sư điều hành của Global Vietnam Lawyers LLC ("GV Lawyers"), một công ty luật quốc tế được thành lập gần đây bởi một nhóm luật sư tận tâm và giàu kinh nghiệm, những người đã tạo dựng và đẩy mạnh sự nghiệp của mình tại các công ty luật hàng đầu của Việt Nam. Trong đó, gần đây nhất, có Công ty luật Phước &amp; Các Cộng sự ("Phuoc &amp; Partners"). Ông đã có hơn 10 năm liên tục trong vai trò là Giám đốc và là Luật sư điều hành của Phuoc &amp; Partners.</p> <p>Ông có bằng Thạc sĩ luật chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế tại Trường Luật Bristol Law School, Đại học UWE Bristol, UK; là thành viên Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh và thành viên Hiệp hội Luật sư Châu Á Thái Bình Dương.</p>



Ông Trần Châu Danh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2021

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) là ngân hàng Giám sát của Quỹ Đầu Tư Tăng trưởng DFVN ("Quỹ DFVN-CAF" hay "Quỹ") cho kỳ báo cáo giữa niên độ năm 2021, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong kỳ, Quỹ DFVN-CAF đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ" hay "CTQLQ") đã tuân thủ các hạn chế đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ và văn bản pháp luật liên quan;
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ DFVN-CAF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ DFVN-CAF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;
- d) Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư; và.
- e) Công ty Quản lý Quỹ đã tuân thủ các quy định về hạn chế vay, hạn chế giao dịch được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2021  
Đại diện Ngân hàng Giám sát - Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán



Ông Trần Hữu Duy  
Chuyên viên Bộ phận Dịch vụ Chứng Khoán



## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“Quỹ”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2021 và được Ban Đại diện Quỹ phê chuẩn ngày 12 tháng 8 năm 2021. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 20 đến trang 57.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành của Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”)**

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư 198/2012/TT-BTC”), Thông tư 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục (“Thông tư 181/2015/TT-BTC”), Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98/2020/TT-BTC”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ mở. Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quý cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC, Thông tư 181/2015/TT-BTC, Thông tư 98/2020/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ mở.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Quý cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 25 tháng 3 năm 2021. Đồng thời, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quý cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 cũng được công ty kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần vào ngày 10 tháng 8 năm 2020.

### **Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)**



Trần Thị Thanh Trúc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3047-2019-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM11125  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2021

**BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
			2021 VND	2020 VND
<b>01</b>	<b>I. THU NHẬP/(LỖ) VÀ DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>32.214.916.507</b>	<b>(9.121.925.158)</b>
02	1.1. Cổ tức được chia	5.1	644.680.760	429.505.807
04	1.3. Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư	5.2	19.430.256.831	(3.801.222.441)
05	1.4. Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5.3	12.127.354.119	(5.753.775.759)
06	1.5. Thu nhập khác		12.624.797	3.567.235
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>(367.106.794)</b>	<b>(229.446.276)</b>
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	5.4	(367.106.794)	(229.446.276)
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỞ</b>		<b>(1.457.861.893)</b>	<b>(1.089.264.723)</b>
20.1	3.1. Phí quản lý Quỹ	8(a)(i)	(887.444.812)	(545.052.533)
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	5.5	(188.552.994)	(175.131.146)
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát Quỹ	8(a)(ii)	(46.200.000)	(46.200.000)
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ	8(a)(ii)	(72.600.003)	(72.600.003)
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	8(a)(ii)	(96.199.159)	(88.278.546)
20.8	3.8. Chi phí kiểm toán		(75.839.722)	(71.109.294)
20.10	3.10. Chi phí hoạt động khác	5.6	(91.025.203)	(90.893.201)
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>30.389.947.820</b>	<b>(10.440.636.157)</b>

Các thuyết minh từ trang 29 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
			2021 VND	2020 VND
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		<u>30.389.947.820</u>	<u>(10.440.636.157)</u>
31	6.1. Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện	6.9	18.262.593.701	(4.686.860.398)
32	6.2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	6.9	12.127.354.119	(5.753.775.759)
40	VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		<u>30.389.947.820</u>	<u>(10.440.636.157)</u>



Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ  
Dai-ichi Life Việt Nam  
**Trần Châu Danh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ  
Dai-ichi Life Việt Nam  
**Hồ Thị Mai Phương**  
Phụ trách Nghiệp vụ Quản lý Quỹ

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ  
Dai-ichi Life Việt Nam  
**Trần Thị Anh Trâm**  
Trưởng phòng Cao cấp  
Nghiệp vụ Quản lý Quỹ

Các thuyết minh từ trang 29 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
<b>100</b>	<b>I. TÀI SẢN</b>			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	6.1	7.494.884.466	3.122.878.226
	<i>Trong đó:</i>			
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ		7.494.884.466	3.122.878.226
120	2. Các khoản đầu tư thuần	6.2	136.146.953.300	100.366.421.350
121	2.1. Các khoản đầu tư		136.146.953.300	100.366.421.350
130	3. Các khoản phải thu		943.167.328	877.464.275
131	3.1. Phải thu về bán các khoản đầu tư	6.3	659.767.328	656.164.275
133	3.2. Phải thu và dự thu cổ tức các khoản đầu tư		283.400.000	221.300.000
136	3.2.2 Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận		283.400.000	221.300.000
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>144.585.005.094</b>	<b>104.366.763.851</b>
<b>300</b>	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
312	2. Phải trả về mua các khoản đầu tư	6.4	2.331.644.620	432.147.250
313	3. Phải trả cho các Đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ		200.000	88.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.800.895	646.848
316	6. Chi phí phải trả	6.5	118.639.725	138.500.000
317	7. Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	6.6	16.285.000	772.200.000
318	8. Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	6.6	59.814.963	236.580.656
319	9. Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ	6.7	240.072.342	185.564.836
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.768.457.545</b>	<b>1.765.727.590</b>

Các thuyết minh từ trang 29 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(tiếp theo)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
<b>400</b>	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>6.8</b>	<b>141.816.547.549</b>	<b>102.601.036.261</b>
411	1. Vốn góp của nhà đầu tư		87.549.898.700	81.250.942.400
412	1.1. Vốn góp phát hành		93.356.951.400	85.243.468.800
413	1.2. Vốn góp mua lại		(5.807.052.700)	(3.992.526.400)
414	2. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư		2.516.314.571	(10.292.597)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	6.9	51.750.334.278	21.360.386.458
<b>430</b>	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>6.8</b>	<b>16.198,36</b>	<b>12.627,67</b>
<b>440</b>	<b>V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ</b>		-	-
	<b>VI. CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>			
004	4. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	6.8	8.754.989,87	8.125.094,24



Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ  
Dai-ichi Life Việt Nam  
**Trần Châu Danh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2021



Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ  
Dai-ichi Life Việt Nam  
**Hồ Thị Mai Phương**  
Phụ trách Nghiệp vụ Quản lý Quỹ



Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ  
Dai-ichi Life Việt Nam  
**Trần Thị Anh Trâm**  
Trưởng phòng Cao cấp  
Nghiệp vụ Quản lý Quỹ

Các thuyết minh từ trang 29 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,  
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

STT	Chỉ tiêu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2021 VND	2020 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (“NAV”) đầu kỳ	102.601.036.261	80.870.153.926
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước	30.389.947.820	(10.440.636.157)
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	30.389.947.820	(10.440.636.157)
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	8.825.563.468	2.094.990.127
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	11.533.675.854	2.536.217.100
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(2.708.112.386)	(441.226.973)
IV	NAV của Quỹ cuối kỳ	141.816.547.549	72.524.507.896
V	NAV trên một đơn vị chứng chỉ quỹ tại cuối kỳ	16.198,36	9.094,67



Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ  
Dai-ichi Life Việt Nam  
**Trần Châu Danh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ  
Dai-ichi Life Việt Nam  
**Hồ Thị Mai Phương**  
Phụ trách Nghiệp vụ Quản lý Quỹ

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ  
Dai-ichi Life Việt Nam  
**Trần Thị Ánh Trâm**  
Trưởng phòng Cao cấp  
Nghiệp vụ Quản lý Quỹ

Các thuyết minh từ trang 29 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ  
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

STT	Chi tiêu	Số lượng	Giá trị thị trường tại ngày 30.6.2021 VND	Tổng giá trị tại ngày 30.06.2021 VND	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản của Quỹ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
1	VCB	98.000	116.400	11.407.200.000	7,89
2	VHM	78.000	118.000	9.204.000.000	6,37
3	HPG	143.050	51.500	7.367.075.000	5,10
4	GAS	60.000	93.000	5.580.000.000	3,86
5	TCB	97.000	52.700	5.111.900.000	3,54
6	VIC	42.000	119.000	4.998.000.000	3,46
7	GVR	142.000	35.000	4.970.000.000	3,44
8	ACB	138.050	35.700	4.928.385.000	3,41
9	VPB	65.000	67.700	4.400.500.000	3,04
10	FPT	46.900	88.000	4.127.200.000	2,85
11	CTG	78.000	52.700	4.110.600.000	2,84
12	BID	77.000	47.250	3.638.250.000	2,52
13	SAB	20.500	169.100	3.466.550.000	2,40
14	MBB	78.108	43.350	3.385.981.800	2,34
15	VIB	65.800	49.450	3.253.810.000	2,25
16	NVL	25.772	121.000	3.118.412.000	2,16
17	STB	97.000	30.600	2.968.200.000	2,05
18	MWG	19.000	152.000	2.888.000.000	2,00
19	MSN	25.000	111.400	2.785.000.000	1,93
20	VNM	30.000	90.400	2.712.000.000	1,88
21	SSI	47.000	55.000	2.585.000.000	1,79
22	REE	37.000	57.700	2.134.900.000	1,48
23	POW	169.000	12.050	2.036.450.000	1,41
24	VRE	63.000	31.750	2.000.250.000	1,38
25	BVH	34.000	58.400	1.985.600.000	1,37
26	KBC	50.000	38.400	1.920.000.000	1,33
27	PLX	35.000	54.800	1.918.000.000	1,33
28	HDB	47.269	35.500	1.678.049.500	1,16
29	PVT	78.000	21.000	1.638.000.000	1,13
30	DCM	75.000	21.000	1.575.000.000	1,09
31	PVD	69.000	22.000	1.518.000.000	1,05
32	PHR	26.000	56.600	1.471.600.000	1,02
33	VJC	12.000	121.500	1.458.000.000	1,01
34	DRC	47.000	30.250	1.421.750.000	0,98
35	TPB	38.057	36.750	1.398.594.750	0,97
36	HCM	27.000	51.100	1.379.700.000	0,95
37	BCM	22.700	54.400	1.234.880.000	0,85
38	BMP	20.000	59.300	1.186.000.000	0,82
39	GMD	25.000	43.000	1.075.000.000	0,74
40	KDH	28.055	37.550	1.053.465.250	0,73
41	SBT	47.000	21.000	987.000.000	0,68
42	LPB	28.000	29.950	838.600.000	0,58
43	HSG	19.800	41.900	829.620.000	0,57
44	HDG	17.000	43.700	742.900.000	0,51
45	KDC	12.000	61.800	741.600.000	0,51
46	PVS	25.000	28.800	720.000.000	0,50

Các thuyết minh từ trang 29 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.



**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ  
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

STT	Chi tiêu	Số lượng	Giá trị thị trường tại ngày 30.6.2021 VND	Tổng giá trị tại ngày 30.6.2021 VND	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản của Quỹ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo)</b>				
47	PC1	27.000	26.500	715.500.000	0,49
48	DIG	27.000	25.650	692.550.000	0,48
49	ITA	90.000	7.450	670.500.000	0,46
50	CTD	10.000	64.700	647.000.000	0,45
51	PNJ	6.000	100.100	600.600.000	0,42
52	DXG	17.000	24.000	408.000.000	0,28
53	NLG	9.020	39.000	351.780.000	0,24
54	TDM	4.000	28.000	112.000.000	0,08
				<b>136.146.953.300</b>	<b>94,16</b>
<b>IV</b>	<b>Các tài sản khác</b>				
1	Phải thu về tiền bán các khoản đầu tư			659.767.328	0,46
2	Phải thu ròng về thu nhập cổ tức các khoản đầu tư			283.400.000	0,20
				<b>943.167.328</b>	<b>0,66</b>
<b>V</b>	<b>Tiền</b>				
1	Tiền gửi ngân hàng			7.494.884.466	5,18
				<b>7.494.884.466</b>	<b>5,18</b>
<b>VI</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>144.585.005.094</b>	<b>100,00</b>



Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ  
Dai-ichi Life Việt Nam  
**Trần Châu Danh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ  
Dai-ichi Life Việt Nam  
**Hồ Thị Mai Phương**  
Phụ trách Nghiệp vụ Quản lý Quỹ

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ  
Dai-ichi Life Việt Nam  
**Trần Thị Anh Trâm**  
Trưởng phòng Cao cấp  
Nghiệp vụ Quản lý Quỹ

Các thuyết minh từ trang 29 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
			2021 VND	2020 VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế TNDN</b>		<b>30.389.947.820</b>	<b>(10.440.636.157)</b>
02	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư:</b>			
03	Lãi/(lỗ) chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5.3	(12.127.354.119)	5.753.775.759
04	Giảm chi phí trích trước		(19.860.275)	(16.890.705)
05	<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>18.242.733.426</b>	<b>(4.703.751.103)</b>
20	(Giảm)/tăng các khoản đầu tư		(23.653.177.831)	9.615.853.241
06	Tăng phải thu bán chứng khoán đầu tư		(3.603.053)	(4.496.311.697)
07	(Tăng)/giảm dự thu phải thu cổ tức và tiền lãi các khoản đầu tư		(62.100.000)	106.800.000
10	Tăng/(giảm) phải trả về mua các khoản đầu tư		1.899.497.370	(3.306.352.100)
11	Tăng/(giảm) phải trả các đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ		112.000	(80.000)
13	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.154.047	(114.953)
14	(Giảm)/tăng phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		(755.915.000)	150.100.000
15	Giảm phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		(176.765.693)	(5.176.723)
17	Tăng/(giảm) phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ mở		54.507.506	(6.415.819)
19	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(4.453.557.228)</b>	<b>(2.645.449.154)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	6.8	11.533.675.854	2.536.217.100
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	6.8	(2.708.112.386)	(441.226.973)
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>8.825.563.468</b>	<b>2.094.990.127</b>
40	<b>III. Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ</b>		<b>4.372.006.240</b>	<b>(550.459.027)</b>

Các thuyết minh từ trang 29 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
(tiếp theo)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
			2021 VND	2020 VND
<b>50</b>	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	6.1	<b>3.122.878.226</b>	<b>6.924.362.986</b>
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ		2.350.678.226	6.923.362.986
53	Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		772.200.000	1.000.000
<b>55</b>	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	6.1	<b>7.494.884.466</b>	<b>6.373.903.959</b>
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ		7.478.599.466	6.222.803.959
58	Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		16.285.000	151.100.000
<b>60</b>	<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ</b>		<b>4.372.006.240</b>	<b>(550.459.027)</b>



Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ  
Dai-ichi Life Việt Nam  
**Trần Châu Danh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ  
Dai-ichi Life Việt Nam  
**Hồ Thị Mai Phương**  
Phụ trách Nghiệp vụ Quản lý Quỹ

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ  
Dai-ichi Life Việt Nam  
**Trần Thị Anh Trâm**  
Trưởng phòng Cao cấp  
Nghiệp vụ Quản lý Quỹ

Các thuyết minh từ trang 29 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN**

**1.1 Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ và Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập quỹ mở**

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“Quỹ”) được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng mở vào ngày 3 tháng 1 năm 2019 theo Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 34/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 3 tháng 1 năm 2019. Theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập này, tổng số vốn điều lệ của Quỹ là 75.121.600.000 Đồng Việt Nam tương đương với 7.512.160 chứng chỉ quỹ (“CCQ”). Quỹ hoạt động theo Điều lệ Quỹ ban hành ngày 3 tháng 1 năm 2019 và sửa đổi lần gần nhất ngày 22 tháng 4 năm 2021. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

CCQ được chào bán ra công chúng lần đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán số 56/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16 tháng 10 năm 2018. Theo quy định của giấy phép này, vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 Đồng Việt Nam với mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam/chứng chỉ quỹ.

CCQ được giao dịch thông qua các đại lý phân phối.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”). Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) được chỉ định là Ngân hàng giám sát và lưu ký của Quỹ.

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ**

***Quy mô vốn***

Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng là 75.121.600.000 Đồng Việt Nam.

Quy mô vốn của Quỹ dựa trên số vốn thực góp của nhà đầu tư được trình bày tại Thuyết minh 6.8.

***Mục tiêu đầu tư***

Mục tiêu là tăng trưởng vốn và tài sản của Nhà đầu tư, phần đầu cao hơn mức tăng trưởng của Thị trường Chứng khoán Việt Nam (VN-Index) trong dài hạn, bằng việc đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

***Kỳ tính giá trị tài sản ròng***

Giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ được xác định hàng tuần và hàng tháng. Đối với kỳ định giá hàng tuần, ngày định giá là ngày thứ Ba. Nếu ngày định giá tuần rơi vào ngày nghỉ của thị trường chứng khoán Việt Nam, hoặc ngày tạm ngừng giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (trường hợp này tùy thuộc vào sự quyết định của Công ty Quản lý Quỹ) thì ngày định giá tuần của Quỹ sẽ được chuyển sang thứ Ba (ngày làm việc) của tuần tiếp theo. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ thay đổi kỳ xác định NAV của Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện Quỹ trước khi thực hiện.

***Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ***

Giá trị tài sản ròng được xác định bằng tổng giá trị các tài sản Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan tại thời điểm xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

**Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ là số lẻ ở dạng thập phân, lấy đến hai số thập phân sau dấu phẩy.

**Định giá tài sản**

Phương pháp định giá lại các khoản đầu tư được quy định phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ phù hợp với Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành như sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2	Ngoại tệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.</li> </ul>
3	Tiền gửi kỳ hạn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.</li> </ul>
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.</li> </ul>
5	Đối với các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.</li> </ul>
<b>Trái phiếu</b>		
6	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).</li> <li>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> <li>Phương pháp định giá trái phiếu hợp lý chi tiết sẽ được trình bày cụ thể trong Sổ tay Định giá và phải được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

*Định giá tài sản (tiếp theo)*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Trái phiếu (trái phiếu)</b>		
7	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> <li>Phương pháp định giá trái phiếu hợp lý chi tiết sẽ được trình bày cụ thể trong Sổ tay Định giá được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>
<b>Cổ phiếu</b>		
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán  Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</li> <li>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>- Giá mua; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>
9	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giá được xác định là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>- Mệnh giá; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>
10	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giá được xác định là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>
11	Cổ phần, phần vốn góp khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp.</li> <li>Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>- Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc</li> </ul> </li> <li>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua.</li> </ul>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

*Định giá tài sản (tiếp theo)*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Chứng khoán phái sinh</b>		
12	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại Ngày Giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
13	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
<b>Các tài sản khác</b>		
14	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất - trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

***Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ***

Chứng chỉ quỹ được giao dịch một (1) lần một (1) tuần, vào các ngày thứ Ba hàng tuần. Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật tại Bản cáo bạch, báo cáo Đại hội nhà đầu tư và cập nhật sửa đổi này tại Điều lệ Quỹ, thông báo cho Ngân hàng Giám sát và công bố thông tin theo quy định. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (2) lần trong một (1) tháng.

Nếu Ngày Giao dịch CCQ là ngày nghỉ của Thị trường Chứng khoán Việt Nam, hoặc ngày tạm ngừng giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (trường hợp này tùy thuộc vào sự quyết định của Công ty Quản lý Quỹ) thì Ngày Giao dịch của Quỹ sẽ được chuyển sang Thứ ba (ngày làm việc) của tuần tiếp theo.

***Phân phối thu nhập của Quỹ***

Việc phân phối lợi nhuận thực hiện theo Điều lệ Quỹ.

***Hạn chế đầu tư***

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch.

Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau đây:

- a) Danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu (6) tổ chức phát hành;
- b) Ngoại trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát, Quỹ không đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp luật về ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm các giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật liên quan;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFTN (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Hạn chế đầu tư (tiếp theo)***

- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) gồm: tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp luật về ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm các giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật liên quan của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp luật về ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm các giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật liên quan; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ Quỹ đại chúng; cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành; chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ và quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 98;
- e) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- f) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành;
- g) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản bao gồm: công cụ thị trường tiền tệ bao gồm các giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật liên quan; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ Quỹ đại chúng; cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành và quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFTN (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Hạn chế đầu tư (tiếp theo)***

- h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- i) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ, chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
- j) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
  - Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- k) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm (b), (c), (d), (e), (f), (g) và (j) nêu trên nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:

- a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Do thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- c) Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, thu tóm của các tổ chức phát hành;
- d) Do Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ hoặc Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ điều chỉnh;
- e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN, công bố thông tin và điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư cho phù hợp theo quy định tại Điều lệ Quỹ trong thời hạn ba (3) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm (a), (b), (c) và (d) nêu trên. .

Trường hợp sai lệch do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

Công ty Quản lý Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp luật về ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm các giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật liên quan, tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch chứng khoán có ảnh hưởng lớn đến giá giao dịch và thanh toán. Ngoài ra, Quỹ còn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán để huy động các nguồn lực tài chính như phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ.

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các văn bản pháp luật liên quan bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư 198/2012/TT-BTC”), Thông tư 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục (“Thông tư 181/2015/TT-BTC”), Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98/2020/TT-BTC”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ mở.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

**3.2 Hình thức kế toán áp dụng**

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng cho hoạt động của Quỹ.

**4.2 Các khoản đầu tư**

***Nguyên tắc phân loại***

Quỹ phân loại các chứng khoán được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

***Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận***

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

***Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại***

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua (không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, v.v.) và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo theo Thông tư 198/2012/TT-BTC theo giá trị của các khoản đầu tư tại ngày lập báo cáo. Mức giá để đánh giá lại được xác định theo pháp luật chứng khoán hiện hành và Điều lệ Quỹ được trình bày ở Thuyết minh 1.2 và sổ tay định giá chi tiết của Quỹ.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày báo cáo.

Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày trước ngày định giá được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng tính đến ngày trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách;
- Giá mua;

***Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư***

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư 198/2012/TT-BTC.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Dự phòng phát sinh trong kỳ liên quan đến các khoản phải thu được hạch toán vào chi phí trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Dự phòng phát sinh trong kỳ liên quan đến cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác được hạch toán giảm thu nhập trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.

**4.4 Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động phát hành chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

**4.5 Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế TNDN. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

**Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư**

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78/2014/TT-BTC") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 96/2015/TT-BTC") và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111/2013/TT-BTC") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92/2015/TT-BTC") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế TNDN ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.5 Thuế (tiếp theo)**

**Giao dịch mua lại CCQ**

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111/2013/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92/2015/TT-BTC, Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78/2014/TT-BTC được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 96/2015/TT-BTC.

**4.6 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi:

- Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra;
- Việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế; và
- Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy.

Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**4.7 Vốn góp của nhà đầu tư**

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam.

Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

*Vốn góp phát hành*

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần phát hành bổ sung sau ngày thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quỹ. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

*Vốn góp mua lại*

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của các nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau ngày thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.7 Vốn góp của nhà đầu tư (tiếp theo)**

*Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư*

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một chứng chỉ quỹ được phát hành/ mua lại.

*Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối*

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện trong kỳ là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào “Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)”.

*Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư*

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối kỳ.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Lợi nhuận được phân phối cho nhà đầu tư bởi Công ty Quản lý Quỹ sau khi đã khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

**4.8 Doanh thu và thu nhập**

Doanh thu và thu nhập được ghi nhận khi Quỹ nhận được các lợi ích kinh tế một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu/thu nhập:

*Cổ tức*

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập

*Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) đã được kiểm tra bởi ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.9 Chi phí**

Chi phí được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và theo nguyên tắc thận trọng.

**4.10 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những cá nhân quản lý chủ chốt, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Quỹ liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Quỹ căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**4.11 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198/2012/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Cổ tức được chia**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Cổ tức đã nhận	644.680.760	359.005.807
Dự thu cổ tức	-	70.500.000
	<u>644.680.760</u>	<u>429.505.807</u>



**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DFVN**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

5.2 Lãi bán các khoản đầu tư	Tổng giá trị thu từ việc bán các khoản đầu tư VND	Giá trung bình của các khoản đầu tư cho đến ngày giao dịch gần nhất VND	Lỗ đã thực hiện trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2021 VND	Lãi đã thực hiện lũy kế đến ngày 30.6.2021 VND	Lãi đã thực hiện trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2020 VND
Cổ phiếu niêm yết	130.858.559.000	111.428.302.169	19.430.256.831	21.258.904.010	(3.801.222.441)
<b>5.3 Chênh lệch tăng do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện</b>					
	Giá trị sổ sách VND	Giá trị trường/ giá trị hợp lý tại ngày 30.6.2021 VND	Lãi chưa thực hiện từ đánh giá lại các khoản đầu tư lũy kế tại ngày 30.6.2021 VND	Lãi chưa thực hiện từ đánh giá lại các khoản đầu tư lũy kế tại ngày 31.12.2020 VND	Chênh lệch tăng do đánh giá các khoản đầu tư chưa thực hiện trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2021 VND
Cổ phiếu niêm yết	102.484.335.010	136.146.953.300	33.662.618.290	21.535.264.171	12.127.354.119

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.4 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Chi phí môi giới mua cổ phiếu	187.495.136	110.105.185
Chi phí môi giới bán cổ phiếu	179.611.658	119.341.091
	<u>367.106.794</u>	<u>229.446.27</u>

**5.5 Phí dịch vụ lưu ký tài sản của Quỹ**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Phí dịch vụ lưu ký tài sản (Thuyết minh 8(a)(ii))	114.000.002	113.999.999
Phí giao dịch chứng khoán thanh toán cho Ngân hàng lưu ký (Thuyết minh 8(a)(ii))	69.600.000	56.850.000
Phí lưu ký chứng khoán thanh toán cho VSD (Thuyết minh 8(a)(ii))	4.952.992	4.281.147
	<u>188.552.994</u>	<u>175.131.146</u>

**5.6 Chi phí hoạt động khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 8(a)(iii))	90.000.003	90.000.001
Phí ngân hàng (Thuyết minh 8(a)(ii))	1.025.200	893.200
	<u>91.025.203</u>	<u>90.893.201</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền**

	Tại ngày	
	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
<b>1. Tiền gửi tại Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) cho hoạt động của Quỹ</b>		
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ (Thuyết minh 8(b))	7.478.599.466	2.350.678.226
Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ (Thuyết minh 8(b))	16.285.000	772.200.000
	<u>7.494.884.466</u>	<u>3.122.878.226</u>

**6.2 Các khoản đầu tư**

Tất cả các công ty được đầu tư như trên Báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 4.2, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại theo giá trị thị trường VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết	102.484.335.010	34.550.597.718	(887.979.428)	136.146.953.300

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại theo giá trị thị trường VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết	78.831.157.179	21.701.481.066	(166.216.895)	100.366.421.350

**6.3 Phải thu về bán các khoản đầu tư**

Các khoản phải thu về bán chứng khoán niêm yết được thanh toán sau hai (2) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (ngày T+2) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**6.4 Phải trả về mua các khoản đầu tư**

Các khoản phải trả mua chứng khoán niêm yết được thanh toán sau hai (2) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (ngày T+2) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

**6.5 Chi phí phải trả**

	Tại ngày	
	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Phí kiểm toán	73.639.722	93.500.000
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 8(b))	45.000.003	45.000.000
	118.639.725	138.500.000

**6.6 Phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ**

Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ thể hiện số tiền nhận từ nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ hợp lệ và chờ phát hành.

Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ thể hiện số tiền chờ thanh toán cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ.

**6.7 Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ**

	Tại ngày	
	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
<b>Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ</b>		
Phí quản lý Quỹ (Thuyết minh 8(b))	170.079.283	125.824.659
<b>Phải trả cho Ngân hàng giám sát và lưu ký</b>		
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán (Thuyết minh 8(b))	18.999.999	19.000.002
Phí giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 8(b))	15.150.000	6.150.000
Phí dịch vụ giám sát Quỹ (Thuyết minh 8(b))	7.699.998	7.700.001
	41.849.997	32.850.003
<b>Phải trả cho dịch vụ Đại lý chuyển nhượng và dịch vụ Quản trị Quỹ</b>		
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng (Thuyết minh 8(b))	16.043.060	14.790.174
Phí dịch vụ quản trị Quỹ (Thuyết minh 8(b))	12.100.002	12.100.000
	28.143.062	26.890.174
	240.072.342	185.564.836



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**6.8 Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị	Số dư tại ngày 31.12.2020	Phát sinh trong kỳ	Số dư tại ngày 30.6.2021
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng	CCQ	8.524.346,88	811.348,26	9.335.695,14
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	85.243.468.800	8.113.482.600	93.356.951.400
Thặng dư vốn phát hành của nhà đầu tư	VND	232.913.623	3.420.193.254	3.653.106.877
<b>Tổng giá trị phát hành CCQ</b>	<b>VND</b>	<b>85.476.382.423</b>	<b>11.533.675.854</b>	<b>97.010.058.277</b>
<b>Vốn góp mua lại</b>				
Số lượng	CCQ	(399.252,64)	(181.452,63)	(580.705,27)
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	(3.992.526.400)	(1.814.526.300)	(5.807.052.700)
Thặng dư vốn góp mua lại của nhà đầu tư	VND	(243.206.220)	(893.586.086)	(1.136.792.306)
<b>Tổng giá trị mua lại CCQ</b>	<b>VND</b>	<b>(4.235.732.620)</b>	<b>(2.708.112.386)</b>	<b>(6.943.845.006)</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>	<b>VND</b>	<b>81.240.649.803</b>	<b>8.825.563.468</b>	<b>90.066.213.271</b>
Lợi nhuận chưa phân phối	VND	21.360.386.458	30.389.947.820	51.750.334.278
<b>NAV hiện hành</b>	<b>VND</b>	<b>102.601.036.261</b>	<b>39.215.511.288</b>	<b>141.816.547.549</b>
Số lượng CCQ hiện hành	CCQ	8.125.094,24	629.895,63	8.754.989,87
<b>NAV hiện hành/1 CCQ</b>	<b>VND/CCQ</b>	<b>12.627,67</b>		<b>16.198,36</b>

**6.9 Lợi nhuận chưa phân phối**

	Số dư tại ngày 31.12.2020 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Số dư tại ngày 30.6.2021 VND
(Lỗ)/Lợi nhuận đã thực hiện	(174.877.713)	18.262.593.701	18.087.715.988
Lợi nhuận chưa thực hiện	21.535.264.171	12.127.354.119	33.662.618.290
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>21.360.386.458</b>	<b>30.389.947.820</b>	<b>51.750.334.278</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**7 THUYẾT MINH VỀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021						
STT	Ngày định giá	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1 CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1 CCQ VND	
1	04/01/2021	102.601.036.261	8.125.094,24	12.627,67		
2	05/01/2021	104.271.712.417	8.125.094,24	12.833,29		205,62
3	12/01/2021	111.101.985.395	8.184.642,11	13.574,44		741,15
4	19/01/2021	112.084.930.593	8.184.879,17	13.694,14		119,70
5	26/01/2021	110.152.875.922	8.189.796,12	13.450,01		(244,13)
6	01/02/2021	100.278.990.090	8.228.478,09	12.186,82		(1.263,19)
7	02/02/2021	97.999.798.116	8.228.478,09	11.909,83		(276,99)
8	09/02/2021	102.961.047.275	8.233.463,85	12.505,19		595,36
9	23/02/2021	112.004.345.025	8.247.577,88	13.580,27		1.075,08
10	01/03/2021	111.222.679.940	8.255.742,36	13.472,15		(108,12)
11	02/03/2021	113.028.772.031	8.255.742,36	13.690,92		218,77
12	09/03/2021	111.361.630.589	8.262.459,65	13.478,02		(212,90)
13	16/03/2021	113.799.593.294	8.339.553,68	13.645,76		167,74
14	23/03/2021	114.944.722.068	8.359.838,19	13.749,63		103,87
15	30/03/2021	112.444.123.908	8.368.074,97	13.437,27		(312,36)
16	01/04/2021	115.039.248.475	8.454.971,98	13.606,10		168,83
17	06/04/2021	119.403.699.754	8.454.971,98	14.122,30		516,20
18	13/04/2021	120.939.078.348	8.464.893,99	14.287,13		164,83
19	20/04/2021	121.830.521.650	8.521.206,01	14.297,33		10,20
20	27/04/2021	117.502.671.772	8.526.311,79	13.781,18		(516,15)
21	03/05/2021	121.104.230.267	8.604.856,47	14.073,93		292,75
22	04/05/2021	121.081.489.067	8.604.856,47	14.071,29		(2,64)
23	11/05/2021	123.742.024.320	8.615.626,85	14.362,50		291,21
24	18/05/2021	123.894.282.104	8.614.500,10	14.382,06		19,56
25	25/05/2021	128.497.528.785	8.630.488,94	14.888,78		506,72
26	01/06/2021	133.163.624.330	8.648.738,71	15.396,88		508,10
27	08/06/2021	136.357.642.464	8.682.737,40	15.704,45		307,57
28	15/06/2021	135.941.182.462	8.663.850,08	15.690,62		(13,83)
29	22/06/2021	137.260.226.291	8.663.181,75	15.844,08		153,46
30	29/06/2021	140.937.594.137	8.685.395,75	16.226,96		382,88
31	01/07/2021	141.816.547.549	8.754.989,87	16.198,36		(28,60)

**NAV bình quân trong kỳ**

**118.872.293.281**

**Biến động NAV/CCQ trong kỳ mức cao nhất**

**1.263,19**

**Biến động NAV/CCQ trong kỳ thấp nhất**

**2,64**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**7 THUYẾT MINH VỀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020					
STT	Ngày định giá	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1 CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1 CCQ VND
1	02/01/2020	80.870.153.926	7.747.580,49	10.438,11	
2	07/01/2020	80.241.521.883	7.747.580,49	10.356,97	(81,14)
3	14/01/2020	80.968.909.343	7.740.459,89	10.460,47	103,50
4	21/01/2020	82.776.193.406	7.741.690,60	10.692,26	231,79
5	01/02/2020	78.817.766.351	7.760.349,05	10.156,47	(535,79)
6	04/02/2020	78.334.172.844	7.760.349,05	10.094,15	(62,32)
7	11/02/2020	78.871.089.504	7.768.472,51	10.152,71	58,56
8	18/02/2020	80.004.409.664	7.759.822,79	10.310,08	157,37
9	25/02/2020	76.713.812.137	7.758.894,04	9.887,20	(422,88)
10	02/03/2020	76.072.561.216	7.760.512,28	9.802,51	(84,69)
11	03/03/2020	76.362.846.803	7.760.512,28	9.839,92	37,41
12	10/03/2020	72.445.000.893	7.828.286,70	9.254,26	(585,66)
13	17/03/2020	65.024.643.594	7.835.526,56	8.298,69	(955,57)
14	24/03/2020	59.750.246.987	7.831.227,55	7.629,74	(668,95)
15	31/03/2020	58.861.244.516	7.832.931,39	7.514,58	(115,16)
16	01/04/2020	58.778.186.978	7.839.718,12	7.497,48	(17,10)
17	07/04/2020	64.506.209.137	7.839.718,12	8.228,12	730,64
18	14/04/2020	65.798.571.838	7.865.677,44	8.365,27	137,15
19	21/04/2020	68.563.703.159	7.878.374,76	8.702,77	337,50
20	28/04/2020	67.261.952.627	7.881.017,56	8.534,67	(168,10)
21	04/05/2020	67.458.124.623	7.900.701,85	8.538,24	3,57
22	05/05/2020	66.639.311.426	7.900.701,85	8.434,60	(103,64)
23	12/05/2020	71.975.319.425	7.919.386,07	9.088,49	653,89
24	19/05/2020	73.325.715.647	7.923.347,05	9.254,38	165,89
25	26/05/2020	75.220.805.898	7.927.183,04	9.488,97	234,59
26	01/06/2020	75.454.760.572	7.931.714,60	9.513,04	24,07
27	02/06/2020	76.940.348.029	7.931.714,60	9.700,34	187,30
28	09/06/2020	79.227.792.337	7.963.991,04	9.948,25	247,91
29	16/06/2020	73.748.392.059	7.966.303,00	9.257,54	(690,71)
30	23/06/2020	76.430.900.112	7.963.225,43	9.597,98	340,44
31	30/06/2020	73.027.982.943	7.964.579,86	9.169,09	(428,89)
32	01/07/2020	72.524.507.896	7.974.395,39	9.094,67	(74,42)

NAV bình quân trong kỳ

72.649.258.189

Biến động NAV trên 1 đơn vị CCQ trong kỳ mức cao nhất  
Biến động NAV trên 1 đơn vị CCQ trong kỳ thấp nhất

955,57  
3,57

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Trong kỳ, các nghiệp vụ chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Phí quản lý Quỹ	887.444.812	545.052.533

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý quỹ mở là 1,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí quản lý quỹ mở được tính (trích lập) tại các kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng trước phí tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các ngày định giá thực hiện trong tháng.

ii) Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) (“ngân hàng giám sát và Lưu ký, Đại lý chuyển nhượng”)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Phí dịch vụ lưu ký tài sản (Thuyết minh 5.5)	114.000.002	113.999.999
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	96.199.159	88.278.546
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	72.600.003	72.600.003
Phí giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 5.5)	69.600.000	56.850.000
Phí dịch vụ giám sát Quỹ	46.200.000	46.200.000
Phí lưu ký chứng khoán do HSBC thu hộ cho VSD(Thuyết minh 5.5)	4.952.992	4.281.147
Phí ngân hàng (Thuyết minh 5.6)	1.025.200	893.200

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) (“HSBC”) làm Ngân hàng Lưu ký tài sản và Giám sát hoạt động của Quỹ. HSBC đồng thời được ủy quyền từ Công ty Quản lý Quỹ để cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ và dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, phí giám sát tài sản, phí quản trị quỹ và đại lý chuyển nhượng hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ tương ứng. Các phí trên được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại kỳ định giá. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng, mức phí cụ thể như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)**

iii) Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) (“ngân hàng giám sát và Lưu ký, Đại lý chuyển nhượng”) (tiếp theo)

Dịch vụ	Biểu phí
Giám sát (chưa bao gồm VAT)	0,02% mỗi năm; Mức phí giám sát tối thiểu là 7,0 triệu Đồng Việt Nam mỗi tháng.
Lưu ký chứng khoán	0,06% mỗi năm; Mức phí lưu ký tối thiểu là 19,0 triệu Đồng Việt Nam mỗi tháng.
Quản trị quỹ (chưa bao gồm VAT)	0,035% mỗi năm; Mức phí quản trị quỹ tối thiểu là 11,0 triệu Đồng Việt Nam mỗi tháng.

Phí đại lý chuyển nhượng bao gồm hai nhóm phí như sau:

- Nhóm phí tính trên giá trị tài sản ròng hoặc giá trị giao dịch gồm:
  - Phí duy trì dịch vụ hàng năm là 0,04% NAV/năm. Mức phí đại lý chuyển nhượng tối thiểu là 13,0 triệu Đồng Việt Nam mỗi tháng.
  - Phí đăng ký mua mới, mua lại, hoán đổi, chuyển nhượng là 0,03% tính trên giá trị giao dịch mua mới, mua lại, hoán đổi, chuyển nhượng.
- Nhóm phí tính trên số lượng thực tế phát sinh gồm:
  - Phí thiết lập dữ liệu nhà đầu tư gồm tạo dữ liệu nhà đầu tư là 15.000 VND mỗi nhà đầu tư và tạo dữ liệu đại lý phân phối là 1.000.000 VND mỗi đại lý.
  - Các chi phí khác như phí gửi thư 100.000 VND mỗi nhà đầu tư, phí cấp thiết bị HSBC net là 300.000 VND mỗi thiết bị và các chi phí khác.

Ngoài các phí trên, Quỹ còn phải thanh toán cho Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) các chi phí liên quan đến việc thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Giao dịch mua/bán chứng khoán	150.000 Đồng Việt Nam/giao dịch

iv) Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021 VND	2020 VND
Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 5.6)	90.000.003	90.000.001

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)**

*iv) Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ (tiếp theo)*

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.

**(b) Số dư với các bên liên quan**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày	
	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
<b>Công ty Quản lý Quỹ</b>		
Phí quản lý Quỹ phải trả (Thuyết minh 6.7)	170.079.283	125.824.659
<b>Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)</b>		
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ (Thuyết minh 6.1)	7.494.884.466	3.122.878.226
Phí lưu ký chứng khoán (Thuyết minh 6.7)	18.999.999	19.000.002
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng (Thuyết minh 6.7)	16.043.060	14.790.174
Phí giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 6.7)	15.150.000	6.150.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ phải trả (Thuyết minh 6.7)	12.100.002	12.100.000
Phí dịch vụ giám sát Quỹ phải trả (Thuyết minh 6.7)	7.699.998	7.700.001
<b>Ban Đại diện Quỹ</b>		
Trích trước thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 6.5)	45.000.003	45.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**9 CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỜ**

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2021	2020
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động</b>		
1	Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý trả cho công ty quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	1,49%	1,50%
2	Tỷ lệ giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho ngân hàng giám sát/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,39%	0,61%
3	Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,28%	0,44%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,13%	0,20%
7	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,15%	0,25%
8	Tỷ lệ chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ (%)	3,07%	3,63%
9	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ	223,72%	213,72%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**9 CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ (tiếp theo)**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2021	2020
<b>II Các chỉ tiêu khác</b>		
<b>1 Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)</b>		
Tổng giá trị CCQ đang lưu hành đầu kỳ (VND)	81.250.942.400	77.475.804.900
Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (CCQ)	8.125.094,24	7.747.580,49
<b>2 Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)</b>		
Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ (CCQ)	811.348,26	271.479,05
Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND)	8.113.482.600	2.714.790.500
Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ (CCQ)	(181.452,63)	(44.664,15)
Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)	(1.814.526.300)	(446.641.500)
<b>3 Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)</b>		
Tổng giá trị CCQ đang lưu hành cuối kỳ (VND)	87.549.898.700	79.743.953.900
Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ (CCQ)	8.754.989,87	7.974.395,39
<b>4 Tỷ lệ nắm giữ CCQ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)</b>	<b>83,45%</b>	<b>90,71%</b>
<b>5 Tỷ lệ nắm giữ CCQ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%)</b>	<b>86,29%</b>	<b>92,54%</b>
<b>6 Tỷ lệ nắm giữ CCQ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)</b>	<b>79,95%</b>	<b>87,78%</b>
<b>7 Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ</b>	<b>782</b>	<b>303</b>
<b>8 NAV/CCQ cuối kỳ (VND)</b>	<b>16.198,36</b>	<b>9.094,67</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế về trình bày và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210/TT-BTC") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210/TT-BTC đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh, trong đó bao gồm các chính sách quản lý rủi ro tài chính và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Quý có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng  
Rủi ro thanh khoản  
Rủi ro thị trường

Danh mục đầu tư của Quý bao gồm chứng khoán niêm yết và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quý theo đúng mục tiêu đầu tư của Quý, ngân hàng giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở kỳ định giá. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Điều hành và/hoặc người điều hành quỹ của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

**(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quý phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quý. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Quý cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc vi phạm của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán đầu tư của Quý chỉ được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số tín dụng được quy định. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán, việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ bán chứng khoán niêm yết phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng và phải thu từ cổ tức. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quý có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Quý không có khoản phải thu khó đòi.

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quý sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác. Quý có rủi ro thanh khoản cao do phải đáp ứng yêu cầu mua lại chứng chỉ quỹ từ các nhà đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)**

**(b) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm tiền và chứng khoán niêm yết, nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tất cả các khoản nợ phải trả của Quỹ có thời hạn thanh toán dưới 1 năm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Quỹ không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

**(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quỹ nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro này phát sinh khi lãi suất thị trường tăng thì những khoản đầu tư có thu nhập cố định của Quỹ như lãi tiền gửi ngân hàng bị giảm giá trị, đặc biệt là những khoản đầu tư có thời gian đáo hạn dài.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng của Quỹ đều là tiền gửi không kỳ hạn với mức lãi suất thấp và ít biến động.

*Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ là có gốc tiền tệ là tiền Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

*Rủi ro giá thị trường*

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, giá trị thị trường của các cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 136.146.953.300 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 100.366.421.350 Đồng Việt Nam) nếu giá thị trường của các cổ phiếu tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ cao hơn/ thấp hơn 13.614.695.330 Đồng Việt Nam tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10.036.642.135 Đồng Việt Nam).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)**

**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Tài sản tài chính của Quỹ bao gồm:

- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Các khoản đầu tư thuần bao gồm cổ phiếu niên yết và phải thu tiền lãi cổ tức rông

Nợ phải trả tài chính của Quỹ là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Quỹ hoặc là các hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính hiện chưa được đề cập trong Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như trong các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC, Thông tư 181/2015/TT-BTC, Thông tư 98/2020/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ mở.

Do đó, Quỹ áp dụng phương pháp định giá tài sản rông theo Thông tư 98/2020/TT-BTC, Điều lệ Quỹ và Sổ tay Định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt để xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính khác và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định bằng giá trị ghi sổ do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021  
(tiếp theo)**

**10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)**

**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 lần lượt như sau:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	7.494.884.466	3.122.878.226	7.494.884.466	3.122.878.226
Các khoản đầu tư thuần	136.146.953.300	100.366.421.350	136.146.953.300	100.366.421.350
- Cổ phiếu niêm yết	136.146.953.300	100.366.421.350	136.146.953.300	100.366.421.350
Phải thu về bán các khoản đầu tư	659.767.328	656.164.275	659.767.328	656.164.275
Phải thu và dự thu cổ tức các khoản đầu tư	283.400.000	221.300.000	283.400.000	221.300.000
- Phải thu tiền lãi cổ tức rỗng	283.400.000	221.300.000	283.400.000	221.300.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>144.585.005.094</b>	<b>104.366.763.851</b>	<b>144.585.005.094</b>	<b>104.366.763.851</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	2.331.644.620	432.147.250	2.331.644.620	432.147.250
Phải trả cho các Đại lý phân phối				
CCQ và Công ty Quản lý Quỹ	200.000	88.000	200.000	88.000
Chi phí phải trả	118.639.725	138.500.000	118.639.725	138.500.000
Phải trả cho nhà đầu tư về mua CCQ	16.285.000	772.200.000	16.285.000	772.200.000
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại CCQ	59.814.963	236.580.656	59.814.963	236.580.656
Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ	240.072.342	185.564.836	240.072.342	185.564.836
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.766.656.650</b>	<b>1.765.080.742</b>	<b>2.766.656.650</b>	<b>1.765.080.742</b>

